



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ**  
**International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

**TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG I**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 14 - CIENCO 1**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

*Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance*



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cầu 14 - Cienco 1 (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty tại ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

|                       |                                                    |
|-----------------------|----------------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Đình Tuy   | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2013)      |
| Ông Nguyễn Xuân Thắng | Chủ tịch (thôi bổ nhiệm ngày 14 tháng 04 năm 2013) |
| Ông Lê Văn Vang       | Ủy viên                                            |
| Ông Chu Ngọc Lâm      | Ủy viên                                            |
| Ông Hoàng Văn Thuyên  | Ủy viên                                            |
| Ông Nguyễn Việt Dũng  | Ủy viên                                            |
| Ông Mai Xuân Định     | Ủy viên                                            |
| Ông Nguyễn Duy Thắng  | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 04 năm 2013)       |

#### **Ban Giám đốc**

|                      |                                                    |
|----------------------|----------------------------------------------------|
| Ông Mai Xuân Định    | Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 05 năm 2013)      |
| Ông Nguyễn Đình Tuy  | Giám đốc (thôi bổ nhiệm ngày 02 tháng 05 năm 2013) |
| Ông Nguyễn Minh Tùng | Phó Giám đốc                                       |
| Ông Phạm Văn Chương  | Phó Giám đốc                                       |
| Ông Nguyễn Phúc Hải  | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2013)  |

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Mai Xuân Định**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3791/2014/BCKT-IFC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cầu 14 - Cienco 1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cầu 14 - Cienco 1 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2014, từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Báo cáo kiểm toán này thay thế Báo cáo kiểm toán số 3152/2013/BCKT- IFC ngày 20 tháng 03 năm 2013 do Công ty Cổ phần Cầu 14 - Cienco1 đã cung cấp bổ sung hồ sơ liên quan đến các khoản công nợ.



**Khúc Đình Dũng**

**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0748-2013-072-01

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn  
Tài chính Quốc tế (IFC)**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014*

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1402-2013-072-01

011  
CÔ  
CH  
Ề  
V  
QU  
G



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2012             | 01/01/2012             |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | <b>100</b> |             | <b>332.923.980.202</b> | <b>299.687.055.778</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>  | <b>110</b> |             | <b>23.781.351.118</b>  | <b>11.736.036.541</b>  |
| 1. Tiền                                       | 111        | V.1         | 23.781.351.118         | 11.736.036.541         |
| <b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | <b>130</b> |             | <b>191.624.140.530</b> | <b>196.491.529.186</b> |
| 1. Phải thu của khách hàng                    | 131        |             | 83.523.997.584         | 96.245.187.491         |
| 2. Trả trước cho người bán                    | 132        |             | 37.593.000             | -                      |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                   | 133        |             | 97.656.938.584         | 93.187.940.413         |
| 4. Các khoản phải thu khác                    | 135        |             | 10.405.611.362         | 7.058.401.282          |
| <b>III. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> |             | <b>116.530.731.860</b> | <b>90.044.657.059</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                               | 141        | V.2         | 116.530.731.860        | 90.044.657.059         |
| <b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>987.756.694</b>     | <b>1.414.832.992</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                 | 151        |             | 118.233.920            | 587.969.287            |
| 2. Tài sản ngắn hạn khác                      | 158        |             | 869.522.774            | 826.863.705            |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | <b>200</b> |             | <b>83.571.824.432</b>  | <b>84.020.953.773</b>  |
| <b>I. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>21.584.715.265</b>  | <b>25.878.657.995</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | V.3         | 21.556.965.265         | 25.867.407.995         |
| - Nguyên giá                                  | 222        |             | 133.312.516.649        | 133.532.417.891        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 223        |             | (111.755.551.384)      | (107.665.009.896)      |
| 2. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | V.4         | 27.750.000             | 11.250.000             |
| - Nguyên giá                                  | 228        |             | 45.000.000             | 24.000.000             |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 229        |             | (17.250.000)           | (12.750.000)           |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | <b>250</b> |             | <b>3.700.000.000</b>   | <b>3.700.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư dài hạn khác                        | 258        | V.5         | 3.700.000.000          | 3.700.000.000          |
| <b>III. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |             | <b>58.287.109.167</b>  | <b>54.442.295.778</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | V.6         | 58.287.109.167         | 54.442.295.778         |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      | <b>270</b> |             | <b>416.495.804.634</b> | <b>383.708.009.551</b> |



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                              | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2012             | 01/01/2012             |
|----------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                  | <b>300</b> |             | <b>351.861.227.519</b> | <b>320.570.669.435</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                  | <b>310</b> |             | <b>288.554.101.094</b> | <b>257.012.629.354</b> |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                  | 311        | V.7         | 69.781.212.251         | 59.774.458.363         |
| 2. Phải trả cho người bán              | 312        |             | 16.391.797.004         | 17.726.026.754         |
| 3. Người mua trả tiền trước            | 313        |             | 1.505.145.993          | 1.505.145.993          |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314        | V.8         | 36.512.033.529         | 40.712.133.240         |
| 5. Phải trả người lao động             | 315        |             | 1.706.148.000          | -                      |
| 6. Chi phí phải trả                    | 316        | V.9         | 40.138.213.446         | 47.896.868.743         |
| 7. Phải trả nội bộ                     | 317        |             | 88.066.687.824         | 42.531.286.938         |
| 8. Các khoản phải trả ngắn hạn khác    | 319        | V.10        | 34.365.630.224         | 46.680.203.700         |
| 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi            | 323        |             | 87.232.823             | 186.505.623            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                  | <b>330</b> |             | <b>63.307.126.425</b>  | <b>63.558.040.081</b>  |
| 1. Vay và nợ dài hạn                   | 334        | V.11        | 63.307.126.425         | 63.307.126.425         |
| 2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm       | 336        |             | -                      | 250.913.656            |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               | <b>400</b> |             | <b>64.634.577.115</b>  | <b>63.137.340.116</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>               | <b>410</b> | <b>V.12</b> | <b>64.634.577.115</b>  | <b>63.137.340.116</b>  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu           | 411        |             | 60.000.000.000         | 60.000.000.000         |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển               | 417        |             | 529.831.239            | 439.471.248            |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính              | 418        |             | 1.104.745.876          | 897.868.868            |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối   | 420        |             | 3.000.000.000          | 1.800.000.000          |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>             | <b>440</b> |             | <b>416.495.804.634</b> | <b>383.708.009.551</b> |



**Mai Xuân Định**  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

**Hoàng Văn Thuyên**  
Kế toán trưởng

**Ngô Thị Bích Liên**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm 2012        | Năm 2011        |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 224.064.085.816 | 216.241.197.143 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    | VI.1        | 224.064.085.816 | 216.241.197.143 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 209.273.791.598 | 206.374.336.892 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 14.790.294.218  | 9.866.860.251   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 330.866.091     | 984.438.068     |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 3.669.326.318   | (958.501.684)   |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                          | 23    |             | 9.892.830.277   | 17.202.618.316  |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25    |             | 6.777.742.863   | 7.686.396.795   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 4.674.091.128   | 4.123.403.208   |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.5        | 7.936.374.923   | 9.578.823.976   |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.6        | 7.595.265.851   | 9.498.602.064   |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 341.109.072     | 80.221.912      |
| 14. Lợi nhuận kế toán trước thuế                   | 50    |             | 5.015.200.200   | 4.203.625.120   |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | VI.7        | 877.660.035     | 1.050.906.280   |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 4.137.540.165   | 3.152.718.840   |
| 18. Lãi cơ bản cổ phiếu                            | 70    | VI.8        | 690             | 525             |



**Mai Xuân Định**  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

**Hoàng Văn Thuyên**  
Kế toán trưởng

**Ngô Thị Bích Liên**  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN  
Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                                | Mã số     | Năm 2012              | Năm 2011               |
|---------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>       |           |                       |                        |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác    | 01        | 240.966.986.113       | 205.247.265.604        |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ  | 02        | (131.869.437.735)     | (131.373.936.905)      |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                      | 03        | (30.694.136.583)      | (30.355.279.611)       |
| 4. Tiền chi trả lãi vay                                 | 04        | (10.024.151.379)      | (4.218.199.062)        |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp              | 05        | (218.030.112)         | (1.961.259.614)        |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                | 06        | 17.553.786.322        | 23.060.457.390         |
| 7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                | 07        | (82.978.711.925)      | (66.765.179.115)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>    | <b>20</b> | <b>2.736.304.701</b>  | <b>(6.366.131.313)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>          |           |                       |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ                   | 21        | (1.998.725.012)       | (719.125.054)          |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ                | 22        | 2.355.944.000         | 2.916.000.000          |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác              | 25        | -                     | (3.700.000.000)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>        | <b>30</b> | <b>357.218.988</b>    | <b>(1.503.125.054)</b> |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>      |           |                       |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH | 31        | -                     | 1.166.381.571          |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                 | 33        | 66.370.403.404        | 55.839.776.870         |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay                              | 34        | (56.621.172.516)      | (46.552.712.352)       |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu              | 36        | (797.440.000)         | (1.794.240.000)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>     | <b>40</b> | <b>8.951.790.888</b>  | <b>8.659.206.089</b>   |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                  | <b>50</b> | <b>12.045.314.577</b> | <b>789.949.722</b>     |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                 | <b>60</b> | <b>11.736.036.541</b> | <b>10.946.086.819</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                | <b>70</b> | <b>23.781.351.118</b> | <b>11.736.036.541</b>  |



**Mai Xuân Định**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2014

**Hoàng Văn Thuyên**  
Kế toán trưởng

**Ngô Thị Bích Liên**  
Người lập